

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 3401/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 và Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bổ sung các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 168/NQ-CP và Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

(Chi tiết các chỉ tiêu có Phụ lục kèm theo)

2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh số 59/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; số 97/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 về điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026 và những nhiệm vụ, giải pháp bổ sung như sau:

a) Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống quy hoạch theo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau điều chỉnh; đẩy nhanh tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị và nông thôn, quy hoạch ngành và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý để triển khai các dự án đầu tư và khơi thông các nguồn lực phục vụ phát triển. Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; tập trung hoàn thiện Đề án Khu kinh tế thương mại qua biên giới chung Lao Bảo - Đen-sa-văn và Đề án thí điểm Khu thương mại tự do tỉnh Quảng Trị; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo phương châm "đúng, đủ, sạch, sống", góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, thu hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và các động lực tăng trưởng mới. Triển khai hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bám sát kịch bản tăng trưởng, cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ theo từng ngành, lĩnh vực và địa bàn, gắn với trách nhiệm của các cấp, các ngành và chính quyền cấp xã trong tổ chức thực hiện. Kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực và các dự án động lực, khai thác tối đa dư địa tăng trưởng của từng địa phương, quyết tâm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt 10,6% và các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

c) Nâng cao hiệu quả công tác tài chính - ngân sách, đầu tư công và giải ngân vốn đầu tư công, tạo chuyển biến rõ nét trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Tiếp tục cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước; thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn được HĐND tỉnh cho phép kéo dài theo quy định; ưu tiên nguồn lực thực hiện các công trình, dự án trọng điểm có tính lan tỏa, tạo động lực tăng trưởng¹; thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý các dự án đầu tư ngoài ngân sách chậm tiến độ, kéo dài; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

d) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội gắn với phát triển kinh tế; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện hiệu quả các giải pháp giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội; quan tâm chăm lo người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách. Phát huy giá trị văn hóa, di sản và con người Quảng Trị gắn với phát triển du lịch; tổ chức thành công Lễ hội Vì Hòa bình năm 2026, góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế và thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh.

¹ Quốc lộ 15D đoạn từ đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn đến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đầu tư theo hình thức PPP (theo Thông báo số 293/TB-VPCP ngày 08/6/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ); các tuyến giao thông: Tuyến Nhật Lệ - Khe Ngát (ĐT.570D) và tuyến Lương Yên - Lệ Kỳ (ĐT.570C) từ nguồn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn, nhà ở thương mại) theo Thông báo số 395-TB/TU ngày 14/7/2026 của Tỉnh ủy Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 13/7/2026; ...

đ) Tiếp tục củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp, hướng tới xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và hiệu quả quản trị; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, gần dân, sát dân, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND (L).



Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục
**CHỈ TIÊU GIAO BỔ SUNG NĂM 2026 THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 18-
 KL/TW CỦA TRUNG ƯƠNG, NGHỊ QUYẾT SỐ 25/2026/QH16 CỦA QUỐC
 HỘI VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 109/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**
*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026
 của HĐND tỉnh)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2026
I	VỀ KINH TẾ		
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	10,6
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,2
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	19,29
	- Công nghiệp	%	21,27
	- Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	9,85
	- Xây dựng	%	17,56
1.3	Khu vực dịch vụ	%	8,35
	Trong đó:		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	9,5
	- Vận tải, kho bãi	%	9,92
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	13,49
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	7,69
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và Công nghệ	%	8,73
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,5
2	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	USD	3.545
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	18
4	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030	%	7,75
5	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu Người	USD	275
6	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	12,7
7	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	%	10,6
8	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	10,6
9	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	2
10	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	0,5
11	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%	14,11
12	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo / tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030	%	32
13	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	9-10
14	Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030	Nghìn DN	10,9
15	Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030	%	33,2
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI		
16	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%	33,6
17	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030	%	50



18	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	21
19	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%	30
20	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	100
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG BĐKH		
21	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	%	15-20
22	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	70
23	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	%	30-40